

Số: 7034/QĐ-UBND
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. ĐÀ NẴNG

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 12 năm 2017

ĐẾN

Số: 20-12-2017

Ngày

Chuyển: Thông qua phương án đơn giản hoá và kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Đà Nẵng

Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 369/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hoá và kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Đà Nẵng (theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan thực thi phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bưu chính viễn thông, xây dựng cơ bản, hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông vận tải (mục A Phương án).

Điều 3. Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thực thi phương án kiến nghị đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý của thành phố (mục B Phương án) sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Điều 4. Văn phòng UBND thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

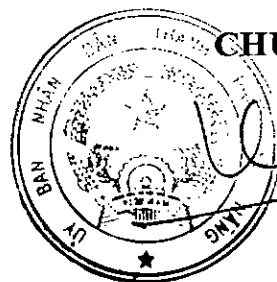
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND quận, huyện;
- Lưu: VT, KSTT.

60



CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Thơ

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA VÀ KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7054 /QĐ-UBND

ngày 16 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

A. PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. Lĩnh vực bưu chính, viễn thông (thuộc thẩm quyền của Sở Thông tin và Truyền thông)

1. Thủ tục: Xác nhận thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông thân thiện với môi trường theo mẫu đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Bổ sung thời hạn giải quyết cụ thể đối với thủ tục xác nhận quy hoạch viễn thông đối với trạm thu phát sóng viễn thông theo mẫu đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt (thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Lý do: Quyết định 64/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của UBND thành phố ban hành Quy định quản lý trạm thu phát sóng viễn thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chưa quy định thời gian giải quyết của thủ tục xác nhận quy hoạch viễn thông đối với trạm thu phát sóng viễn thông thân thiện môi trường. Do đó, việc bổ sung thời gian giải quyết cụ thể như trên sẽ giúp nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý, tránh sự tùy tiện trong việc giải quyết thủ tục và gây khó khăn cho chủ đầu tư trạm thu phát sóng viễn thông thân thiện môi trường.

1.2. Thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Quyết định số 64/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của UBND thành phố ban hành Quy định quản lý trạm thu phát sóng viễn thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (bổ sung quy định về thời hạn giải quyết của thủ tục).

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Hạn chế trường hợp tùy tiện kéo dài thời hạn giải quyết thủ tục, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư trong việc xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông thân thiện với môi trường.

II. Lĩnh vực xây dựng cơ bản (liên quan đến thẩm quyền của các sở chuyên ngành, các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án, UBND các quận, huyện)

Thực hiện theo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo công tác rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn TTHC liên quan đến hồ sơ xây dựng cơ bản (Thông báo số 365/TB-VP ngày 24/11/2017 của Chánh Văn phòng UBND thành phố). Cụ thể như sau:

Stt	Thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
1	Thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm A, dự án nhóm B và C (vốn ngân sách trung ương)	Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ đầu tư, rà soát có văn bản trình UBND thành phố duyệt ký gửi Bộ ngành Trung ương liên quan thẩm định (<i>Trừ dự án nhóm A</i>).
2	Thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm B, C vốn ngân sách thành phố và các dự án có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng từ vốn ngân sách quận, huyện	Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: Nhóm B, C: 22 ngày (<i>bao gồm thời gian lấy ý kiến của Sở Tài chính 04 ngày</i>). Trường hợp dự án cần kiểm tra thực tế thì thời gian kéo dài thêm 03 ngày.
3	Thời gian các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án trình phê duyệt chủ trương đầu tư	Thời gian tại các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án: 02 ngày.
4	Phê duyệt chủ trương đầu tư	- Dự án nhóm B và C trọng điểm: Thời gian tại UBND thành phố 17 ngày trước khi trình Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND thành phố. - Dự án nhóm C còn lại: Thời gian tại UBND thành phố: 12 ngày.
5	Thẩm định dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở và lấy ý kiến các đơn vị liên quan)	- Đối với dự án nhóm A: Thời gian thực hiện theo quy định các văn bản pháp quy. - Đối với dự án nhóm B, C: Thống nhất Sở xây dựng chuyên ngành sau khi thẩm định trình trực tiếp UBND thành phố phê duyệt (không thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định 15/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND thành phố). Thời gian thẩm định tại Sở chuyên ngành theo quy định tại văn bản pháp quy.

		- Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Thời gian thẩm định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 08 ngày.
6	Phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ trở lên)	Thời gian tại UBND thành phố: - Nhóm A: 10 ngày. - Nhóm B, C: 07 ngày.
7	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng	Thời gian tại cơ quan quyết định đầu tư theo phân cấp: 08 ngày.
8	Thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước)	* Thống nhất phân cấp cho quận, huyện và giao UBND quận, huyện thực hiện thẩm định các công trình cấp III, IV do quận, huyện quản lý. * Đối với các công trình giao thông trong đô thị sử dụng vốn Ngân sách thành phố (trừ các đường trong Khu dân cư, khu tái định cư): Thống nhất giao Sở Giao thông vận tải thẩm định lấy ý kiến Sở Xây dựng về vỉa hè, thoát nước, cây xanh. * Thời gian thẩm định như sau: - Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thẩm tra, thời gian thẩm định: + Cấp II, III: 15 ngày. + Các công trình còn lại: 10 ngày. - Trường hợp tự thẩm định: Giữ nguyên thời gian thẩm định theo quy định.
9	Phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước)	Thời gian tại UBND thành phố: 07 ngày.
10	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thời gian thẩm định: 12 ngày.
11	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thời gian tại cơ quan quyết định đầu tư: 05 ngày
12	Thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các công trình do UBND

		thành phố làm chủ đầu tư): 12 ngày. - Thời gian thẩm định đối với các dự án do các sở, ngành; Ban Quản lý dự án; UBND quận huyện làm chủ đầu tư: 09 ngày.
13	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Thời gian tại UBND thành phố (đối với các công trình do UBND thành phố làm chủ đầu tư): 08 ngày. - Thời gian phê duyệt đối với các dự án do các sở, ngành; Ban Quản lý dự án; UBND quận huyện làm chủ đầu tư: 05 ngày.
14	Thẩm định kết quả chọn lựa nhà thầu	* Gói thầu quy mô nhỏ: - Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 09 ngày. - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận huyện: 07 ngày. * Các gói thầu còn lại: - Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 12 ngày. - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận huyện: 09 ngày.
15	Phê duyệt kết quả chọn lựa nhà thầu	* Gói thầu quy mô nhỏ: - Thời gian tại UBND thành phố (đối với các công trình UBND TP làm chủ đầu tư): 05 ngày. - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận huyện: 05 ngày. * Các gói thầu còn lại: - Thời gian tại UBND thành phố (đối với các công trình do UBND TP làm chủ đầu tư): 09 ngày. - Thời gian tại các chủ đầu tư, UBND các quận huyện: 07 ngày.
16	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch Tổng mặt bằng xây dựng	- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: 20 ngày; - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 10 ngày.
17	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật	Thời gian thẩm định, phê duyệt tại Sở Xây dựng: 20 ngày.

18	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành	
18.1	<i>Nhóm 1: Đối với công trình, hạng mục công trình có giá trị quyết toán dưới 01 tỷ đồng:</i>	
a)	Công trình, hạng mục công trình nhóm A, B	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 32 ngày. - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 07 ngày.
b)	Công trình, hạng mục công trình nhóm C	- Thời gian thẩm tra, phê duyệt tại Sở Tài chính: 24 ngày.
18.2	<i>Nhóm 2: Đối với công trình, hạng mục công trình có giá trị quyết toán từ 01 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng:</i>	
a)	Công trình, hạng mục công trình nhóm A, B	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 42 ngày. - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 06 ngày.
b)	Công trình, hạng mục công trình nhóm C	- Thời gian thẩm tra, phê duyệt tại Sở Tài chính: 24 ngày.
18.3	<i>Nhóm 3: Đối với công trình, hạng mục công trình có giá trị quyết toán trên 20 tỷ đồng:</i>	
a)	Công trình, hạng mục công trình nhóm A.	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 55 ngày. - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 07 ngày.
b)	Công trình, hạng mục công trình nhóm B.	- Thời gian thẩm tra tại Sở Tài chính: 40 ngày. - Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 06 ngày.
c)	Công trình, hạng mục công trình nhóm C	- Thời gian thẩm tra, phê duyệt tại Sở Tài chính: 22 ngày.
19	Thẩm tra dự toán thiết bị thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng	- Thời gian thẩm định tại Sở Tài chính: 16 ngày. - Thống nhất chủ trương giao UBND

	nguồn vốn đầu tư công	quận huyện thực hiện thẩm định thiết bị đối với các dự án phân cấp cho quận, huyện; thời gian thẩm định 16 ngày (kể cả trường hợp UBND quận huyện lấy ý kiến của Sở Tài chính nếu cần thiết). Sở Tài chính có ý kiến khi nhận văn bản của UBND quận, huyện
--	-----------------------	--

III. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông vận tải (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)

1. Đối với nhóm 07 thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông (đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để thực hiện các hoạt động kinh doanh buôn bán; để cá nhân hoạt động thương mại; để đỗ xe ô tô con, để xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp; để tập kết vật liệu xây dựng phục vụ việc sửa chữa, xây dựng nhà; để lắp đặt các công trình phục vụ công cộng; lắp đặt quảng cáo và lắp đặt trạm chờ xe buýt theo tuyến xe buýt được duyệt; để làm mặt bằng tập kết máy móc, thiết bị, phục vụ thi công các công trình xây dựng; để tổ chức các hoạt động văn hoá, xã hội, tuyên truyền).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ yêu cầu “có công chứng hoặc chứng thực” đối với thành phần hồ sơ là văn bản đồng ý của chủ sở hữu nhà, chủ sử dụng đất bên trong vỉa hè trong trường hợp người có nhu cầu sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông nhưng không phải là chủ sở hữu nhà, chủ sử dụng đất bên trong vỉa hè đó.

Lý do: Yêu cầu trên không cần thiết, làm phát sinh chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC này. Nếu cần thiết xác thực sự đồng ý của chủ sở hữu nhà, chủ sử dụng đất bên trong vỉa hè, thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể đi xác minh. Qua đó tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Thực thi:

Sửa đổi Khoản 8 Điều 9 Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố Đà Nẵng.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 466.027.088 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 258.830.336 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 207.196.752 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44,5 %

B. PHƯƠNG ÁN KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA

I. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (thuộc thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ)

1. Thủ tục: Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về cách thức thực hiện: Quy định việc thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 để tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC.

Lý do: Giai đoạn hiện nay, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phát triển đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 đối với thủ tục này. Đồng thời việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp tổ chức, cá nhân nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí đi lại và chuẩn bị hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 7 Điều 12 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.068.545 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.462.695 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 605.850 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%

2. Thủ tục: Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về cách thức thực hiện: Quy định việc thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 để tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC).

Lý do: Giai đoạn hiện nay, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phát triển đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 đối với thủ tục này. Đồng

thời việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp tổ chức, cá nhân nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí đi lại và chuẩn bị hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.059.890 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.454.040 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 605.850 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%

3. Thủ tục: Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Về cách thức thực hiện: Quy định việc thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 để tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC).

Lý do: Giai đoạn hiện nay, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phát triển đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 đối với thủ tục này. Đồng thời việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp tổ chức, cá nhân nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí đi lại và chuẩn bị hồ sơ.

b) Về yêu cầu, điều kiện: Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ; về người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ.

Lý do: Yêu cầu, điều kiện quá cao và không cần thiết trong thực tế; làm phát sinh chi phí đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục này.

3.2. Kiến nghị thực thi:

a) Sửa đổi Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Bãi bỏ Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; bãi bỏ Điểm a, Điểm c Khoản

4 (chỉ giữ lại các quy định đối với người nước ngoài) và Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 16.611.300 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.022.025 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 589.275 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,5%

II. Lĩnh vực đầu tư (thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất)

1. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương (trường hợp dự án có quy mô vốn dưới 5.000 tỷ và không thuộc trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện tại KCN, KKT phù hợp với quy hoạch KCN, KKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết TTHC: Giảm từ 15 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tế giải quyết TTHC có thể rút ngắn thời gian xử lý TTHC tại các phòng chuyên môn thông qua tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các bộ phận trong giải quyết TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2014.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư giảm thời gian thực hiện TTHC và tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện TTHC.

III. Lĩnh vực văn hóa (thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)

1. Thủ tục: Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là “Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 13, Khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)”.

Lý do: Thành phần hồ sơ này nhằm phục vụ quy trình nội bộ của Sở Văn hóa và Thể thao; việc bỏ thành phần hồ sơ này giúp tổ chức, cá nhân giảm chi phí khi thực hiện TTHC này.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch về sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 45.778.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.715.750 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.062.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,7%

IV. Lĩnh vực xây dựng nhà ở và đầu tư xây dựng và lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông vận tải (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện).

1. Đối với 02 thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị và Cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết vật liệu xây dựng phục vụ việc sửa chữa, xây dựng nhà.

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Thực hiện đồng thời hai thủ tục này theo hướng khi tổ chức, công dân đến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng (đối với các lô đất quy hoạch chia lô và những lô mặt tiền đường đã có tên) thì cán bộ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân đồng thời tiến

hành làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết vật liệu xây dựng phục vụ việc sửa chữa, xây dựng nhà. Đến ngày hẹn tổ chức, cá nhân sẽ được nhận đồng thời Giấy phép xây dựng và Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết vật liệu xây dựng phục vụ việc sửa chữa, xây dựng nhà.

Lý do: Thay vì phải mất 10 ngày làm việc cho thủ tục cấp giấy phép xây dựng và 04 ngày làm việc cho thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết vật liệu xây dựng phục vụ việc sửa chữa, xây dựng nhà thì khi thực hiện thao tác này, tổ chức, cá nhân chỉ mất 10 ngày làm việc. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ chuyên môn khi đi kiểm tra hiện trạng để cấp giấy phép, đồng thời rút ngắn được thời gian thực hiện hồ sơ của công dân.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường bộ và các văn bản dưới Luật quy định chi tiết hoặc hướng dẫn hai Luật này.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hóa: 146.442.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 64.912.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 81.530.100 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55,7%

V. Lĩnh vực báo chí, xuất bản (thuộc thẩm quyền của Sở Thông tin và Truyền thông)

1. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động in.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bỏ thành phần “Giấy tờ thể hiện việc đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”.

Lý do: Hiện tại, Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về loại giấy tờ này, dẫn đến doanh nghiệp gặp không ít khó khăn trong quá trình xin giấy tờ thể hiện việc đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường để hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động in của các doanh nghiệp, cơ sở in.

+ Điều chỉnh nội dung, phương thức thực hiện thành phần “Văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp” thành “Văn bản cam kết sẽ thực hiện bổ sung cho Sở Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in” trong trường hợp người đứng đầu cơ sở in chưa có văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

Lý do: Việc điều chỉnh như trên nhằm tạo sự thông thoáng và phù hợp với thực tế phát triển của hoạt động in; hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia vào hoạt động in khi chưa có đủ điều kiện tại thời điểm thành lập. Bên cạnh đó, vẫn đảm bảo điều kiện người đứng đầu cơ sở in có hiểu biết về hoạt động in theo quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi bổ sung Điểm đ và Điểm e Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.175.025 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.062.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 112.275 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,5%.

2. Thủ tục: Cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng cho cơ quan, tổ chức thành phố Đà Nẵng.

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về cách thức thực hiện: Quy định việc thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 4 để tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của TTHC.

Lý do: Hiện tại cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin được trang bị đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng dịch vụ hành chính trực tuyến mức 4 đối với thủ tục này. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giúp giảm bớt chi phí đi lại, tiết kiệm chi phí hành chính (in ấn hồ sơ, giấy tờ); rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ của doanh nghiệp.

- Về thời hạn giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Qua thực tế giải quyết TTHC có thể rút ngắn thời hạn xử lý TTHC tại phòng chuyên môn thông qua tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong giải quyết TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Đối với nội dung 1:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.124.470 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.216.810 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 997.660 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

- Đối với nội dung 2: Giúp giảm thời gian thực hiện TTHC cho cơ quan, tổ chức và tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện TTHC.

3. Thủ tục: Gia hạn/sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng.

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thời hạn giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc đối với các trường hợp gia hạn/sửa đổi, bổ sung Giấy phép và giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc đối với các trường hợp cấp lại Giấy phép.

Lý do: Qua thực tế giải quyết TTHC có thể rút ngắn thời hạn xử lý TTHC tại phòng chuyên môn thông qua tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong giải quyết TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi bổ sung Điểm c Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Giúp giảm thời gian thực hiện TTHC cho cơ quan, tổ chức và tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện TTHC.

VI. Đối với nhóm các thủ tục được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật có yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực (đối với giấy tờ, văn bản là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính)

1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Quy định quyền lựa chọn của người dân, có thể nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính đối chiếu.

Lý do: Thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện TTHC.

2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thành phần hồ sơ theo hướng quy định quyền lựa chọn của người dân: nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính./.